

<p>4. Củng cố</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS nhắc lại tựa bài - HS thi tính nhanh - Nhận xét tuyên dương <p style="text-align: center;"> $700 > 600$ $600 < 800$ $500 > 400$ $300 > 200$ </p> <ul style="list-style-type: none"> - GDHS: So sánh các số cẩn thận để biết số lớn và số bé để làm toán nhanh và điền dấu cho đúng <p>5. Nhận xét – Dặn dò</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét tiết học - Về nhà xem lại bài - Xem bài mới 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhắc tựa bài - Thi tính nhanh
--	--

.....
Luyện từ và câu:

Bài : TỪ NGỮ VỀ CÂY CỎI.

ĐẶT VÀ TRẢ LỜI CÂU HỎI ĐỂ LÀM GÌ?. TCT:28

I. Mục đích yêu cầu

- Nêu được một số từ ngữ về cây cối (BT1).
- Biết đặt và trả lời câu hỏi với cụm từ để làm gì? (BT2).
- Điền đúng dấu chấm, dấu phẩy vào đoạn văn có chỗ trống (BT3).

II. Đồ dùng dạy học

- Bảng phụ ghi sẵn bài tập 2, 3
- Bảng nhóm

III. Hoạt động dạy học

HOẠT ĐỘNG DẠY	HOẠT ĐỘNG HỌC						
<p>1. Ổn định lớp</p> <p>2. Kiểm tra bài cũ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS nhắc lại tựa bài <p>3. Bài mới</p> <p>A. Giới thiệu bài: Để các em biết thêm về các loài cây, biết đặt và trả lời câu hỏi để làm gì? Hôm nay các em học LTVC bài mới.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ghi tựa bài <p>B. Hướng dẫn làm bài tập</p> <p>* Bài 1: Kể tên các loài cây mà em biết theo nhóm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc yêu cầu - Hướng dẫn: Các em tìm và ghi vào bảng các loại cây theo yêu cầu. - HS làm bài tập theo nhóm - HS trình bày - Nhận xét tuyên dương <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 50%;">Cây lương thực, thực phẩm</td> <td>Lúa, ngô, khoai mì, khoai lang, đậu lạc, su hào, ...</td> </tr> <tr> <td>Cây ăn quả</td> <td>Cam, quýt, bưởi, mận, ổi, xoài, cam, cóc, ...</td> </tr> <tr> <td>Cây lấy gỗ</td> <td>Xoan, lim, táu, bạch đàn,</td> </tr> </table>	Cây lương thực, thực phẩm	Lúa, ngô, khoai mì, khoai lang, đậu lạc, su hào, ...	Cây ăn quả	Cam, quýt, bưởi, mận, ổi, xoài, cam, cóc, ...	Cây lấy gỗ	Xoan, lim, táu, bạch đàn,	<ul style="list-style-type: none"> - Hát vui - Ôn tập - Nhắc lại - Đọc yêu cầu - Làm bài tập theo nhóm - Trình bày
Cây lương thực, thực phẩm	Lúa, ngô, khoai mì, khoai lang, đậu lạc, su hào, ...						
Cây ăn quả	Cam, quýt, bưởi, mận, ổi, xoài, cam, cóc, ...						
Cây lấy gỗ	Xoan, lim, táu, bạch đàn,						

	mít, sao, xà cừ, ...	
Cây bóng mát	Bàng, phượng, đa, gừa, mít, hoàng hậu, xà cừ, ..	
Cây hoa	Cúc, đào, mai, vạn thọ, móng tay, mười giờ, ...	
<p>* Bài 2: Dựa vào bài tập 1. Hỏi đáp theo mẫu</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc yêu cầu - Hướng dẫn: Dựa vào bài tập 1 các em đặt và trả lời câu hỏi có cụm từ để làm gì? - HS làm mẫu <p>HS1: Người ta trồng cây lúa để làm gì?</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS thảo luận theo cặp - HS thực hành hỏi đáp - Nhận xét sửa sai <p>* Bài 3: Điền dấu chấm hay dấu phẩy vào chỗ trống.</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc yêu cầu - Hướng dẫn: + Bài tập yêu cầu làm gì? <p>+ Khi nào thì điền dấu chấm?</p> <p>+ Khi nào thì điền dấu phẩy?</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS làm bài vào vở + bảng lớp - Nhận xét sửa sai <p>Chiều qua <input type="checkbox"/> Lan nhận được thư của bố <input type="checkbox"/> Trong thư, bố dặn dò hai chị em Lan rất nhiều điều. Song Lan nhớ nhất điều, bố dặn riêng em ở cuối thư: “ Con nhớ chăm bón cây cam ở đầu vườn để khi bố về , bố con mình có cam ngọt ăn nhé.</p> <p>4. Củng cố</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS nhắc lại tựa bài - HS thực hành có cụm từ để làm gì? - Nhận xét tuyên dương - GDHS: chăm chỉ học tập, siêng năng chăm sóc các loại cây và hoa ở xung quanh gia đình. <p>5. Nhận xét – Dặn dò</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét tiết học - Về nhà xem lại bài - Xem bài mới 		<ul style="list-style-type: none"> - Đọc yêu cầu - Làm mẫu <p>HS2: Người ta trồng cây lúa để ăn.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thảo luận - Thực hành <ul style="list-style-type: none"> - Đọc yêu cầu - Điền dấu chấm hay dấu phẩy vào ô trống - Khi hết câu điền dấu chấm. - Khi trong câu có các cụm từ cùng nghĩa với nhau. - Làm bài vào vở + bảng lớp <ul style="list-style-type: none"> - Nhắc tựa bài - Thực hành hỏi đáp

.....

Thủ công:

Bài: THỰC HÀNH GỢI Ý SÁNG TẠO.TCT:28

I. Mục tiêu

- Biết cách làm đồng hồ đeo tay.
- Làm được đồng hồ đeo tay.

II. Đồ dùng dạy học

- Mẫu đồng hồ đeo tay.
- Quy trình làm đồng hồ đeo tay
- Giấy màu, kéo, hồ dán, bút chì, thước kẻ.

III. Hoạt động dạy học

HOẠT ĐỘNG DẠY	HOẠT ĐỘNG HỌC
<p>1. Ôn định lớp</p> <p>2. Kiểm tra bài cũ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS nhắc lại tựa bài - Kiểm tra sự chuẩn bị của HS - Nhận xét <p>3. Bài mới</p> <p>a. Giới thiệu bài: Hôm nay các em học thủ công bài: làm đồng hồ đeo tay.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ghi tựa bài <p>b. Thực hành làm đồng hồ</p> <p>* Nhắc lại cách làm đồng hồ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bước 1: Cắt thành các nan giấy. - Bước 2: Làm mặt đồng hồ. - Bước 3: Gài dây đeo đồng hồ - Bước 4: Vẽ số và kim lên mặt đồng hồ - HS thực hành - Lưu ý HS: nếp gấp sát, miết kĩ, gài dây đeo có thể bóp nhẹ hình mặt đồng hồ để gài dây đeo cho dễ. - Quan sát giúp đỡ HS lúng túng. - HS trưng bày sản phẩm. - Đánh giá sản phẩm của HS <p>4. Củng cố</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS nhắc lại tựa bài - GDHS: Yêu thích sản phẩm của mình và biết giữ vệ sinh, làm việc đúng thời gian. <p>5. Nhận xét – Dặn dò</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét tiết học - Về nhà chuẩn bị giấy thủ công, kéo, hồ dán để học bài mới. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hát vui - Làm đồng hồ đeo tay - Nhắc lại - Trưng bày sản phẩm - Nhắc tựa bài

=====

Chính tả: Nghe- viết
Bài: CÂY DỪA.TCT:56

I. Mục đích yêu cầu

- Nghe viết chính xác bài tả, trình bày đúng bài thơ lục bát.
- Làm được bài tập 2 a/ b. Viết đúng tên riêng VN trong bài tập 3

II. Đồ dùng dạy học

- Bảng phụ ghi sẵn bài tập 2.
- Bảng nhóm

III. Hoạt động dạy học

HOẠT ĐỘNG DẠY	HOẠT ĐỘNG HỌC
1. Ôn định lớp, KTSS	- Hát vui

<p>2. Kiểm tra bài cũ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS nhắc lại tựa bài - HS viết bảng lớp + nháp các từ: cuốc bẫm, cày sâu, trồng khoai, trở về. - Nhận xét ghi điểm <p>3. Bài mới</p> <p>A. Giới thiệu bài: Hôm nay các em học chính tả bài: Cây dứa.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ghi tựa bài <p>B. Hướng dẫn viết chính tả</p> <p>* Hướng dẫn chuẩn bị</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc bài chính tả - HS đọc lại bài <p>* Hướng dẫn nắm nội dung bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm các bộ phận lá, ngọn, thân, quả của cây dứa; làm cho cây dứa có hình dáng, hoạt động như con người? <p>* Hướng dẫn nhận xét</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mỗi dòng thơ có mấy tiếng? - Đây là thơ lục bát nên viết như thế nào? <p>* Hướng dẫn viết từ khó</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS viết bảng con từ, kết hợp phân tích tiếng các từ: dang tay, hũ rượu, tàu dứa, bạc phếch. <p>* Viết chính tả</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lưu ý HS: chữ đầu mỗi dòng thơ viết hoa, cách cầm bút, để vở ngay ngắn. - Đọc bài, HS viết vào vở. <p>* Chấm, chữa bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc bài HS soát lại - HS tự chữa lỗi - Chấm 4 vở của HS nhận xét <p>C. Hướng dẫn làm bài tập</p> <p>* Bài 2a: HS đọc yêu cầu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hướng dẫn: các em tìm các tiếng có vần in hoặc inh theo nghĩa đã cho. - HS làm bài tập bảng con. - Nhận xét sửa sai + Số tiếp theo số 8. +(Quả) đã đến lúc ăn được. + Nghe hoặc ngủi rất tinh, rất nhạy. <p>* Bài 3: HS đọc yêu cầu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hướng dẫn: Bài thơ có những tên riêng chưa viết hoa các em phải viết hoa sửa lại cho đúng chính tả. - HS nêu tên riêng có trong bài thơ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Kho báu - Viết bảng lớp + bảng con <ul style="list-style-type: none"> - Nhắc lại <ul style="list-style-type: none"> - Đọc bài chính tả <ul style="list-style-type: none"> - Lá: như bàn tay đó gió - Ngọn dứa: như cái đầu của người - Thân dứa: mặc tấm áo đứng canh trời đất. - Quả dứa: như đàn lợn con. <ul style="list-style-type: none"> - Mỗi dòng có 6 tiếng và 8 tiếng. - Dòng viết lùi vào 2 ô. <ul style="list-style-type: none"> - Viết bảng con từ khó <ul style="list-style-type: none"> - Viết chính tả <ul style="list-style-type: none"> - Chữa lỗi <ul style="list-style-type: none"> - Đọc yêu cầu <ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập bảng con <ul style="list-style-type: none"> - Số chín - Quả chín - Thính - Đọc yêu cầu
---	---

<ul style="list-style-type: none"> - HS làm bài vào vở + bảng lớp - Nhận xét sửa sai Trên đường cái ung dung ta bước Đường ta rộng thênh thang tám thước Đường Bắc Sơn, Đình Cả, Thái Nguyên Đường lên Tây Bắc, đường qua Điện Biên Đường cách mạng dài theo kháng chiến. 4. Củng cố - HS nhắc lại tựa bài - HS viết bảng lớp các lỗi mà lớp viết sai nhiều. - Nhận xét ghi điểm - GDHS: Viết cẩn thận, rèn chữ viết để viết đúng chính tả và chữ viết đẹp, vở sạch. 5. Nhận xét – Dặn dò - Nhận xét tiết học - Về nhà chữa lỗi - Xem bài mới 	<ul style="list-style-type: none"> - bắc sơn, đình cả, thái nguyên, tây bắc, điện biên - Làm bài vào vở + bảng lớp - Nhắc tựa bài - Viết bảng lớp + nháp
--	---

.....

Toán:

Bài: CÁC SỐ TRÒN CHỤC TỪ 110 ĐẾN 200

TCT:139

I. Mục tiêu

- Nhận biết được các số tròn chục từ 110 đến 200.
- Biết cách đọc, viết các số tròn chục từ 110 đến 200.
- Biết cách so sánh các số tròn chục.
- Các bài tập cần làm: bài 1, 2, 3. Bài 4, 5 dành cho HS khá giỏi.

II. Đồ dùng dạy học

- Bộ toán thực hành GV + HS
- Bảng phụ ghi sẵn bài tập 3
- Bảng nhóm

III. Hoạt động dạy học

HOẠT ĐỘNG DẠY	HOẠT ĐỘNG HỌC
<p>1. Ổn định lớp</p> <p>2. Kiểm tra bài cũ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS nhắc lại tựa bài - HS lên bảng làm bài tập - Nhận xét ghi điểm <li style="margin-left: 20px;">$100 < 400$ $600 < 800$ <li style="margin-left: 20px;">$300 > 200$ $900 > 700$ <p>3. Bài mới</p> <p>A. Số tròn chục từ 110 đến 200</p> <ul style="list-style-type: none"> * Ôn tập các số tròn chục đã học - Gắn lên bảng hình vẽ 10, 20, ... 90, 100 ... - HS lên bảng điền vào bảng số tròn chục đã biết . - HS nhận xét đặc điểm của số tròn chục. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hát vui - So sánh các số tròn trăm - Làm bài tập bảng lớp - Điền số 10, 20, 30, 40, 50, 60, 70, 80, 90 - Số tròn chục có số tận cùng bên phải là chữ số 0

* Học tiếp các số tròn chục.

- Nêu các số tròn chục và trình bày lên bảng như SGK.
- HS quan sát dòng thứ nhất trên bảng và nhận xét.
- Hình vẽ cho biết mấy chục, mấy trăm và mấy đơn vị.
- HS lên bảng điền.
- HS nhận xét tiếp: số này có mấy chữ số? là những chữ số nào?

+ Chữ số trăm chỉ gì?

+ Chữ số chục chỉ gì?

+ Chữ số đơn vị chỉ gì?

- HS đọc lại các số tròn chục từ 110 đến 200.

B. So sánh các số tròn chục.

- Gắn lên bảng như sau: 1 hình vuông, 2 hình chữ nhật; 1 hình vuông, 3 hình chữ nhật để có:

120 ... 130 130 ... 120

- HS lên so sánh hai số

- HS đọc quan hệ so sánh

- Nhận xét chữ số ở các số trăm, chục và đơn vị

C. Thực hành

* Bài 1: Viết(theo mẫu)

- HS đọc yêu cầu

- Hướng dẫn: ở đây chỉ có viết số còn cách đọc số các em viết vào cho đúng.

- HS làm bài tập theo nhóm

- HS trình bày

- Nhận xét tuyên dương

Viết số	Đọc số
110	Một trăm mười
130	Một trăm ba mươi
150	Một trăm năm mươi
170	Một trăm bảy mươi
180	Một trăm tám mươi
190	Một trăm chín mươi
120	Một trăm hai mươi
160	Một trăm sáu mươi
140	Một trăm bốn mươi
200	Hai trăm

* Bài 2: Điền dấu >, < ?

- HS đọc yêu cầu

- HS quan sát hình trực quan nêu số

- Ghi bảng

- HS làm bài tập bảng lớp + bảng con

- Nhận xét sửa sai

110 < 120 130 < 150

120 > 110 150 > 130

- Trả lời

- Làm bài bảng lớp

- Chữ số 1 chỉ có 1 trăm

- Chữ số 1 chỉ có 1 chục

- Chữ số 0 chỉ có 0 đơn vị.

- Đọc lại các số tròn chục

- 120 < 130 130 > 120

- 120 nhỏ hơn 130, 130 lớn hơn 120

- Số trăm: đều là 1

- Số chục: 3 > 2 cho nên 130 > 120

- Đọc yêu cầu

- Làm bài tập theo nhóm

- Trình bày

- Đọc yêu cầu

- Nêu số